

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1216/2019/DS-PT

Ngày: 30/12/2019

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Vũ Thị Xuân Trang**

Các Thẩm phán: 1. Ông **Lê Ngọc Tường**

2. Ông **Trịnh Đắc Phú**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa : Bà **An Phương Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:
Ông **Lê Trọng Long** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 12/12/2019 và ngày 30/12/2019 tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 495/2019/TLPT-DS ngày 15/10/2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS-ST ngày 28/8/2019 của Tòa án nhân dân Quận 2 bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5290/2019/QĐ-PT ngày 30/10/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 9774/2019/QĐ-PT ngày 18/11/2019 và quyết định tạm ngừng phiên tòa số 10455/2019/QĐ-PT ngày 12/12/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C (A)**

Địa chỉ: A, Phường B, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền: bà Lê Thị T1, sinh năm 1985 (có mặt)

Bị đơn: Ông **Lê Quang K**, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: A1, phường B1, Quận C1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị Minh H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: A2, phường B2, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Khoa Hòa T, sinh năm 1977 (có mặt)

Địa chỉ: A3, Phường B3, quận C3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ làm việc: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C (A) – chi nhánh Ông

Ích K – A4, Phường B4, Quận C4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông T: luật sư Trần Văn D (có mặt)

NỘI DUNG

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C có Ông Lữ Thái Hoàng Q; ông Phạm Văn H1 đại diện ủy quyền trình bày:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C (viết tắt A) cấp tín dụng cho ông Lê Quang K theo Hợp đồng hạn mức cấp tín dụng số TKN.CN.01111011/NV A ngày 11/10/2011, chi tiết như sau:

Số tiền thực tế giải ngân: 1.100.000.000 (Một tỷ một trăm triệu đồng); thời hạn vay 120 tháng; phương thức vay món; mục đích tiêu dùng. Lãi suất được quy định như sau: Lãi suất trong hạn 25%/năm; lãi suất quá hạn: 150%/năm lãi suất trong hạn. Trong quá trình vay vốn, ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Do đó 05/3/2018 Ngân hàng A đã ra thông báo thu hồi nợ trước hạn và ngày 4/4/2018, A đã chuyển toàn bộ số nợ vay còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 10/4/2018, ông K còn nợ A các khoản sau: Vốn gốc: 600.935.000 đồng; lãi trong hạn: 142.405.126 đồng; lãi phạt chậm trả: 9.097.242 đồng; lãi quá hạn: 2.614.067 đồng. Tổng cộng: 755.051.435 đồng.

Khoản nợ nêu trên được bảo đảm bằng biện pháp bảo lãnh, theo Giấy đề nghị vay vốn mà ông Nguyễn Khoa Hòa T đã ký ngày 01/10/2011.

Ngân hàng A đề nghị Tòa án buộc ông Lê Quang K phải trả cho A tổng số nợ còn thiếu tính đến ngày 10/4/2018 là 755.051.435 đồng và tiền lãi suất phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn do các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 11/4/2018 đến ngày ông K trả dứt nợ. Đồng thời buộc ông Nguyễn Khoa Hòa T liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Giấy đề nghị vay vốn mà ông Nguyễn Khoa Hòa T đã ký ngày 01/10/2011.

Trong quá trình giải quyết, Ngân hàng A có công văn đề nghị đưa thêm bà Phạm Thị Minh H, sinh năm 1985 là vợ của ông K vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Yêu cầu buộc bà H phải liên đới cùng với ông Khánh thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A theo hợp đồng tín dụng TKN.CN.01111011/NV A ngày 11/10/2011.

Bị đơn là ông Lê Quang K vắng mặt nên không có lời khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Minh H vắng mặt nên không có lời khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khoa Hòa T tại bản tự khai ngày 11/3/2019 đã trình bày với nội dung như sau:

Trên Giấy đề nghị vay vốn của ông Lê Quang K ngày 1/10/2011 áp dụng cho vay ưu đãi nhân viên A, ông T có ký ở phần người bảo lãnh. Tuy nhiên đây là thủ tục cần để ngân hàng xét duyệt cho vay. Sau đó, ông K có được cho vay hay không, vay với số tiền bao nhiêu, thời hạn vay bao lâu, điều kiện vay là gì thì ông T không được biết. Trên các hợp đồng tín dụng, chứng thư bảo lãnh ông T không hề ký tên cũng như không được A thông báo. Sau thời gian vay, ông K nghỉ việc tại A theo quy định của Ngân hàng thì khi nhân viên nghỉ việc, nhân viên phải thanh lý khoản vay, ngân hàng phải thu hồi nợ trước hạn. Nếu nhân viên muốn duy trì khoản nợ và không được ngân hàng đồng ý thì khoản vay đó sẽ trở thành khoản vay thông thường (đãi xử như là khách hàng bình thường), không được hưởng lãi suất ưu đãi, phải bổ sung tài khoản bảo đảm cho khoản vay (không được cho vay tín chấp). Khi ông K nghỉ việc, ông T không được biết và cũng không biết khoản vay của ông K được tiếp tục duy trì. Do đó, ông T không liên quan đến khoản vay của ông K khi ông K nghỉ việc tại A. Ngoài ra, sau khi ông K nghỉ việc, ông K có vay và có thể chấp tài sản là bất động sản tại A, tuy nhiên ngân hàng vẫn giải chấp tài sản của ông K mà không thu hồi nợ tín chấp trước. Việc tiếp tục duy trì khoản vay thêm là ý muốn chủ quan của Ngân hàng. Ông yêu cầu ngân hàng tiếp tục đòi nợ ông K để trả nợ khoản vay của mình.

Bản án sơ thẩm đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C:

1.1 Buộc ông Lê Quang K phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C số tiền: 965.971.520 đồng (Chín trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi một nghìn năm trăm hai mươi đồng), trong đó (nợ gốc là 600.935.000 (Sáu trăm triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng) ; nợ lãi trong hạn là 145.405.126 (Một trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm lẻ năm nghìn một trăm hai mươi sáu đồng); nợ lãi quá hạn là 222.631.394 (Hai trăm hai mươi hai triệu sáu trăm ba mươi một nghìn ba trăm chín mươi bốn đồng). trả làm một lần ngay sau khi có bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Lê Quang K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số TKN.CN.01111011/NVA ngày 11/10/2011 cho đến khi thanh toán xong.

1.2. Trường hợp ông Lê Quang K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ nêu trên thì ông Nguyễn Khoa Hoà Thuận có nghĩa vụ trả nợ thay ông Lê Quang K với số tiền gốc: 600.935.000 (Sáu trăm triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn đồng), lãi quá hạn là 198.233.433 (Một trăm chín mươi tám triệu hai trăm ba

mười ba nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng) và phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà ông K và Ngân hàng thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số TKN.CN.01111011/NVA ngày 11/10/2011 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc này.

1.3 Không chấp nhận yêu cầu buộc bà Phạm Thị Minh H phải liên đới cùng với ông K thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A theo Hợp đồng tín dụng TKN.CN.01111011/NVA ngày 11/10/2011.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 29/2018/QĐ-BPKCTT ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 2 để đảm bảo thi hành án.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự cũng như các quy định về thi hành án dân sự.

Ngày 09/9/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Khoa Hòa T kháng cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện.

Ông T không rút đơn kháng cáo.

Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau giải quyết vụ án.

Ông T kháng cáo không đồng ý chịu trách nhiệm bảo lãnh cho ông K với số nợ như án sơ thẩm tuyên vì ông không ký chứng thư bảo lãnh, ông không biết số tiền Ngân hàng cho ông K vay do Ngân hàng không thông báo gì cho ông.

Trong trường hợp Hội đồng xét xử buộc ông phải chịu trách nhiệm bảo lãnh do đã ký vào giấy đề nghị vay vốn của ông K ngày 01/10/2011 thì ông chỉ đồng ý chịu $\frac{1}{2}$ trên số tiền 300.000.000 đồng là khoản vay tối đa của vay tín chấp cho nhân viên theo quy định của Ngân hàng A. Tuy nhiên tại thời điểm vay ông K còn nợ tín chấp của Ngân hàng A 140.000.000 đồng thì khoản ông K được vay tiếp chỉ là 160.000.000 đồng. Ông K có vợ là bà H, vay tiêu dùng trong thời kỳ hôn nhân nên ông K, bà H mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$, nếu buộc trách nhiệm bảo lãnh phần ông K thì số tiền là 80.000.000 đồng.

Đại diện Ngân hàng A không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông T, yêu cầu giữ nguyên án sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông T đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T.

Ông K và bà H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T, sửa án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A buộc ông T phải chịu trách nhiệm bảo đảm đối với số nợ của ông K.

NHẬN ĐỊNH

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Xét kháng cáo của ông T, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ngày 01/10/2011 ông K làm giấy đề nghị vay vốn có ông K ký người vay và ông T ký người bảo lãnh.

Ngày 11/10/2011 Ngân hàng A và ông K ký hợp đồng tín dụng có nội dung: Ngân hàng A cho ông K vay số tiền 1.100.000.000 đồng, lãi suất 25%/năm, lãi quá hạn 150% lãi trong hạn, thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay tiêu dùng. Cùng ngày 11/10/2011 Ngân hàng A đã giải ngân chuyển tiền vào tài khoản cho ông K theo thỏa thuận.

Kể từ ngày 01/10/2011 sau khi ký vào giấy đề nghị vay vốn ông T không được Ngân hàng A thông báo cho biết có duyệt cho ông K vay không, số tiền vay là bao nhiêu, quá trình thực hiện hợp đồng cho đến khi ông K nghỉ việc, ngưng thanh toán, vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng, thông báo của Ngân hàng A thu hồi nợ trước hạn đối với ông K thì ông T không được biết, không được Ngân hàng A thông báo.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Ngân hàng A cho rằng chỉ cần ông T ký bảo lãnh giấy đề nghị vay vốn ngày 01/10/2011 của ông K là đã phát sinh nghĩa vụ bảo lãnh là không có căn cứ, không đúng pháp luật.

Căn cứ Điều 361 Bộ luật dân sự 2005 thì ông T có không có bất cứ cam kết nào với Ngân hàng A về việc bảo lãnh nghĩa vụ trả nợ thay cho ông K.

Căn cứ Điều 362 Bộ luật dân sự 2005 thì ông T cũng không có bất cứ văn bản riêng hoặc ký vào hợp đồng chính với tư cách người bảo lãnh cho ông K.

Xét thấy đề nghị vay vốn chưa phát sinh các quyền và nghĩa vụ dân sự của các bên, chỉ là thủ tục ban đầu để Ngân hàng A tiến tới ký hợp đồng tín dụng với ông K nên không thể buộc ông T phải chịu trách nhiệm bảo lãnh nợ cho ông K.

Xét tại cấp phúc thẩm phía Ngân hàng A nộp thêm tài liệu là 02 bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật, 02 quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, kèm theo là các bộ hồ sơ vay vốn tín chấp cho cán bộ công nhận viên A thì chỉ có người bảo lãnh ký tên vào giấy đề nghị vay vốn vào thời điểm năm 2009, 2010, 2012 chứ không ký tên vào hợp đồng chính hay chứng thư bảo lãnh.

Xét phía ông T cũng nộp thêm các tài liệu là 06 bộ hồ sơ vay vốn tín chấp cho nhân viên A, có đầy đủ giấy đề nghị vay vốn có người bảo lãnh ký, hợp đồng tín dụng người bảo lãnh cũng ký, ngoài ra còn có chứng thư bảo lãnh. Các hồ sơ này đều vào thời điểm năm 2010, 2011 để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình.

Do vậy yêu cầu kháng cáo của ông T có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử sửa một phần án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Đối với việc ông T yêu cầu thu thập chứng cứ là giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa ông K và bà H, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Căn cứ Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 6868/2019/QĐ-PT ngày 20/12/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh gửi Ủy ban nhân dân phường An Phú, Quận 2 về việc yêu cầu cung cấp bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa ông K và bà H nhưng đến nay Ủy ban nhân dân phường An Phú, Quận 2 không có văn bản trả lời.

Do vậy không có căn cứ chứng minh bà H là vợ hợp pháp của ông K và Tòa sơ thẩm cũng không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng A buộc bà H liên đới cùng với ông K trả nợ, Ngân hàng A và ông K không kháng cáo.

Án phí dân sự sơ thẩm: ông K phải chịu.

Án phí dân sự phúc thẩm: không ai phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Điều 361, 362, 471 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Khoa Hòa T.

Sửa một phần án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C:

1.1 Buộc ông Lê Quang K phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C số tiền nợ gốc là 600.935.000; nợ lãi trong hạn là 145.405.126; nợ lãi quá hạn là 222.631.394. Tổng cộng là 965.971.520 đồng (Chín trăm sáu mươi lăm triệu chín trăm bảy mươi một nghìn năm trăm hai mươi đồng) tính đến ngày 28/8/2019.

Kể từ ngày 29/8/2019 cho đến khi thi hành án xong số tiền trên, ông Lê Quang K còn phải chịu thêm tiền lãi quá hạn trên số nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số TKN.CN.01111011/NVA ngày 11/10/2011.

Thi hành ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật tại cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C về việc buộc bà Phạm Thị Minh H phải liên đới cùng ông Lê Quang K trả nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C đối với hợp đồng trên.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C về việc buộc ông Nguyễn Khoa Hoà T có nghĩa vụ trả nợ thay ông Lê Quang K nợ gốc là 600.935.000 đồng, nợ lãi quá hạn là 198.233.433 đồng nếu ông K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng việc trả nợ.

4. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 29/2018/QĐ-BPKCTT ngày 11/9/2018 của Tòa án nhân dân Quận 2 cho đến khi thi hành án xong thì hủy bỏ.

5. Án phí dân sự sơ thẩm: 40.979.000 đồng (Bốn mươi triệu chín trăm bảy mươi chín nghìn đồng) ông Lê Quang K phải chịu.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á C (A) số tiền 17.101.028 đồng (Mười bảy triệu một trăm lẻ một nghìn không trăm hai mươi tám đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0015281 ngày 19/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2.

6. Án phí dân sự phúc thẩm: không ai phải nộp.

Hoàn tiền tạm ứng án phí cho ông Nguyễn Khoa Hoà T số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0016799 ngày 09/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2.

Các đương sự thi hành án theo các Điều 2, 6, 7, 7a, 7b, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- TAND Q.2;
- Chi cục THADS Q.2;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Xuân Trang